

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - DV - TM NGỌC NGHĨA**

Tầng L9, Tòa Nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Quận 1, TP.HCM

MST: 0301427028

-----000-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2016**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 01a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 Năm 2016

ĐVT: đồng

1	2	3	31/03/2016	31/12/2015
Mã số		Thuyết minh		
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>722,931,521,169</b>	<b>723,369,225,228</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		42,596,428,909	89,554,343,631
111	Tiền	5	42,596,428,909	89,554,343,631
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		140,000,000,000	110,000,000,000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	140,000,000,000	110,000,000,000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		283,738,465,990	264,758,028,348
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	147,111,814,573	166,392,223,395
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		68,548,407,014	46,555,992,801
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	19,700,000,000	19,700,000,000
136	Phải thu ngắn hạn khác	9	48,747,719,355	32,479,287,104
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(369,474,952)	(369,474,952)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	Hàng tồn kho	10	184,017,926,354	189,457,537,525
141	Hàng tồn kho		184,017,926,354	189,457,537,525
150	Tài sản ngắn hạn khác		72,578,609,916	69,509,315,724
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	15	14,591,896,835	15,163,620,582
152	Thuế GTGT được khấu trừ		36,436,282,072	30,258,146,656
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21,547,521,009	24,177,548,486
155	Tài sản ngắn hạn khác		3,000,000	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1,179,581,303,516</b>	<b>1,160,821,401,085</b>
210	Các Khoản phải thu dài hạn		17,291,532,305	15,527,926,800

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 01a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 Năm 2016

1	2	3		
Mã số		Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
				ĐVT: đồng
216	Phải thu dài hạn khác		17,291,532,305	15,527,926,800
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>			
221	Tài sản cố định hữu hình	11	1,072,738,920,323	1,060,982,781,943
222	Nguyên giá		581,903,593,799	602,116,736,663
223	Giá trị hao mòn lũy kế		1,174,848,610,302	1,173,478,752,635
224	Tài sản cố định thuê tài chính		(592,945,016,503)	(571,362,015,972)
225	Nguyên giá	12	182,956,680,206	183,388,169,164
226	Giá trị hao mòn lũy kế		258,414,654,929	251,005,866,748
227	Tài sản cố định vô hình		(75,457,974,723)	(67,617,697,584)
228	Nguyên giá	13	307,878,646,318	275,477,876,116
229	Giá trị hao mòn lũy kế		326,103,351,218	293,022,726,538
			(18,224,704,900)	(17,544,850,422)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>			
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	48,654,651,456	10,682,444,920
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>			
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	30,000,000,000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
261	Chi phí trả trước dài hạn	15	40,896,199,432	43,628,247,422
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		12,471,733,761	13,623,519,003
268	Tài sản dài hạn khác		432,363,900	432,363,900
269	Lợi thế thương mại	16	68,000,000	-
			27,924,101,771	29,572,364,519
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1,902,512,824,685</b>	<b>1,884,190,626,313</b>

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 01a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 Năm 2016

1	2	3	31/03/2016	31/12/2015
Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>300 NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>310 NỢ NGẮN HẠN</b>				
311	Phải trả người bán ngắn hạn	18	1,083,896,733,865	1,078,958,885,987
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	157,322,141,187	146,987,010,320
313	Thuế và các khoản phải trả nhà nước	19	24,788,500,668	21,614,323,601
314	Phải trả người lao động	19	6,646,341,985	5,993,182,680
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	2,918,931,757	3,503,022,999
319	Phải trả ngắn hạn khác	21	14,374,603,102	18,484,741,653
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	6,775,695,415	4,362,125,436
322	Quy khen thưởng, phúc lợi	17	868,098,865,315	875,042,724,862
			2,971,654,436	2,971,754,436
<b>330 NỢ DÀI HẠN</b>				
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	142,778,860,026	134,313,884,418
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	105,148,860,026	96,683,884,418
			37,630,000,000	37,630,000,000

ĐVT: đồng

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 01a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 Năm 2016

DVT: đồng

Mã số		Thuyết minh	31/03/2016	31/12/2015
1	2	3		
400	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>675,837,230,794</b>	<b>670,917,855,908</b>
410	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>675,837,230,794</b>	<b>670,917,855,908</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22	675,837,230,794	670,917,855,908
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	522,500,000,000	522,500,000,000
415	Cổ phiếu quỹ(*)		46,900,000,000	46,900,000,000
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(88,088,780,000)	(88,088,780,000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		5,714,053,793	5,714,053,793
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11,293,166,612	11,293,166,612
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		192,503,849	192,503,849
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		175,928,688,294	170,663,978,335
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		180,298,933,700	114,910,974,514
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(4,370,245,406)	55,753,003,817
			1,397,598,246	1,742,933,319
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1,902,512,824,685</b>	<b>1,884,190,626,313</b>

Kế Toán Trưởng  
(Ký, họ tên)

ĐÔNG THỊ NGỌC TRIỆU

HCM, Ngày 18 tháng 04 năm 2016  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Ký, họ tên)



NGUYỄN THỊ KIM CHI

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 02 a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2016

ĐVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Quý I Năm 2016		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	DOANH THU BÁN HÀNG - DỊCH VỤ	26	432,517,431,120	410,029,080,017	432,517,431,120	410,029,080,017	
02	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	26	11,425,085,293	3,322,284,243	11,425,085,293	3,322,284,243	
10	DOANH THU THUẦN	26	421,092,345,827	406,706,795,774	421,092,345,827	406,706,795,774	
11	GIÁ VỐN HÀNG BÁN		275,918,995,310	290,949,035,499	275,918,995,310	290,949,035,499	
20	LỢI NHUẬN GỘP		145,173,350,517	115,757,760,275	145,173,350,517	115,757,760,275	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27	1,546,960,859	299,461,394	1,546,960,859	299,461,394	
22	Chi phí hoạt động tài chính <i>- Trong đó chi phí lãi vay</i>	28	14,027,254,514 13,859,433,201	17,208,685,060 16,347,704,153	14,027,254,514 13,859,433,201	17,208,685,060 16,347,704,153	
25	Chi phí bán hàng	31	100,055,319,171	55,162,624,297	100,055,319,171	55,162,624,297	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	22,408,573,000	18,185,969,845	22,408,573,000	18,185,969,845	
30	LÃI/(LỖ) HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		10,229,164,691	25,499,942,467	10,229,164,691	25,499,942,467	
31	Thu nhập khác	29	542,317,395	408,659,363	542,317,395	408,659,363	
32	Chi phí khác	30	131,247,729	2,197,358,883	131,247,729	2,197,358,883	
40	LỢI NHUẬN KHÁC		411,069,666	(1,788,699,520)	411,069,666	(1,788,699,520)	
50	LÃI/(LỖ) TRƯỚC THUẾ		10,640,234,357	23,711,242,947	10,640,234,357	23,711,242,947	

Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 02 a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2016

DVT: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>						
51	Hiện hành	33	5,720,859,471	10,605,586,968	5,720,859,471	10,605,586,968
52	Hoãn lại		-	-	-	-
60	LÃI/(LỖ) SAU THUẾ		4,919,374,886	13,105,655,979	4,919,374,886	13,105,655,979
61	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CÔNG TY MẸ		5,264,709,959	13,222,230,629	5,264,709,959	13,222,230,629
62	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		(345,335,073)	(116,574,650)	(345,335,073)	(116,574,650)
70	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		109	274	109	274

Kế Toán Trưởng  
(Ký, họ tên)

**ĐÔNG THỊ NGỌC TRIỆU**

HCM, Ngày 18 tháng 04 năm 2016  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Ký, họ tên)



**NGUYỄN THỊ KIM CHI**

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2016

Mã số

Thuyết minh

Quý I Năm 2016

Quý I Năm 2015

ĐVT: đồng

### I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>		
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	(801,484,584)	23,711,242,948
05	- Thu nhập lãi tiền gửi	31,751,394,896	34,286,939,796
05	- Lỗ hoạt động đầu tư	(396,013,281)	-
06	- Chi phí lãi vay	-	1,302,651,855
07	- Các khoản điều chỉnh khác	13,859,433,201	16,347,704,153
08	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	44,413,330,232	75,648,538,752
09	- Tăng giảm các khoản phải thu	(24,375,636,220)	(12,106,388,694)
10	- Tăng giảm hàng tồn kho	5,439,611,171	41,922,483,861
11	- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	20,120,152,125	(38,745,576,899)
12	- Tăng giảm chi phí trả trước	1,723,508,989	(8,950,322,275)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(14,194,098,303)	(25,600,318,058)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2,726,969,717)	(3,324,129,921)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(100,000)	(5,577,657)
20	<b>Tiền thuần thu từ/ (chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>30,399,798,276</b>	<b>28,838,709,109</b>

### II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

21	Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(65,454,107,064)	(8,207,187,484)
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	952,648,005	31,648,381
30	<b>Tiền thuần thu từ/ (chi cho) hoạt động đầu tư</b>	<b>(64,501,459,059)</b>	<b>(8,175,539,103)</b>



Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch Vụ Thương Mại Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Tầng L9, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, Q.1

Mẫu số B 03 a- DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2016

Mã số

Thuyết minh

Quý I Năm 2016

Quý I Năm 2015

DVT: đồng

### III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	616,549,018,963	439,297,159,243
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(613,133,060,377)	(464,327,867,072)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	(16,272,212,525)	(13,067,103,218)
40	Tiền thuần thu từ/ (chi cho) hoạt động tài chính	<u>(12,856,253,939)</u>	<u>(38,097,811,047)</u>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(46,957,914,722)	(17,434,641,041)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	89,554,343,631	49,279,280,881
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	<u>42,596,428,909</u>	<u>31,844,639,840</u>

Kế Toán Trưởng  
(Ký, họ tên)

ĐÔNG THỊ NGỌC TRIỀU

HCM, Ngày 18 tháng 04 năm 2016  
Phó Tổng Giám Đốc  
(Ký, họ tên)



NGUYỄN THỊ KIM CHI

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** **Quý I Năm 2016**

### **1./ Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại; sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, Công ty có 7 công ty con (31/12/2015: 5 công ty con) như sau:

Các công ty con	Hoạt động chính	% Sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	98%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	99%
Công ty TNHH MTV Bao Bì Quốc Tế Ngọc Nghĩa	Sản xuất bao bì bằng nhựa	100%
Công ty TNHH Hàng Tiêu Dùng Thái Long	Bán buôn thực phẩm	98%
Công ty TNHH Thịt Ngon Quốc Tế	Sản xuất và bán các sản phẩm từ thịt	100%

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2./ Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các qui định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Tập đoàn sẽ không hoạt động liên tục

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3./ Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

báo cáo tài chính hợp nh ất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII  
Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng áp dụng cho kỳ kế toán năm  
bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan  
trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày  
trong các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 4(b))
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh 4(s))
- Lợi thế thương mại (thuyết minh 4(l))

**4./ Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp  
nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua  
lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch  
vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi  
từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông  
không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào  
báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận  
theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.  
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa,

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa	5 – 25 năm
- thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
- máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) **Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) **Tài sản cố định vô hình**

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhân chuyển nhượng hợp pháp; và
  - Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 43 năm đến 50 năm.  
Quyển sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong.  
Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) *Chi phí trước hoạt động*

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(l) **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phần bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.  
Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi



**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(m) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi các khoản chiết khấu bán hàng theo hoá đơn.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phần bổ vào quỹ khen thưởng phúc

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**5./ TIỀN**

	31/03/2016	31/12/2015
Tiền mặt	752,700,421	4,616,413,144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41,843,728,488	84,937,930,487
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42,596,428,909</b>	<b>89,554,343,631</b>

**6./ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/03/2016	31/12/2015
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	140,000,000,000	110,000,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140,000,000,000</b>	<b>110,000,000,000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn hưởng lãi suất 7.1% năm

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**7./ PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2016	31/12/2015
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	34,403,611,408	26,592,163,857
Công ty TNHH Nước Giải Khát Sunstory Pepsico Việt Nam	26,742,527,750	23,612,987,955
Công ty TNHH Nước Giải Khát Coca Cola Việt Nam	25,135,664,849	28,018,285,731
Các khoản phải thu khách hàng khác	60,830,010,566	88,168,785,852
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147,111,814,573</b>	<b>166,392,223,395</b>

**8./ PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/03/2016	31/12/2015
Đào Thị Thuận	19,700,000,000	19,700,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19,700,000,000</b>	<b>19,700,000,000</b>

Cho vay hưởng lãi suất 5.4% tháng

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9./ PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2016	31/12/2015
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng cho người lao động	30,959,110,427	19,785,854,818
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	2,896,944,444	3,453,579,168
Phải thu khác	14,891,664,484	9,239,853,118
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48,747,719,355</b>	<b>32,479,287,104</b>
a) Dài hạn		
Kỳ cược, ký quỹ dài hạn	17,291,532,305	15,527,926,800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17,291,532,305</b>	<b>15,527,926,800</b>

**10./ HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2016	31/12/2015
Hàng đang đi đường	-	40,644,392
Nguyên liệu, vật liệu	78,121,196,230	69,301,043,593
Công cụ, dụng cụ	4,939,546,450	5,885,878,714
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27,628,778,675	32,722,023,991
Thành phẩm	58,532,195,255	62,959,125,659
Hàng hóa	9,568,894,570	15,634,872,790
Hàng gửi đi bán	5,227,315,174	2,913,948,386
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>184,017,926,354</b>	<b>189,457,537,525</b>

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. / TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	156,813,553,472	968,411,241,134	39,873,426,134	8,380,531,895	1,173,478,752,635
- Tăng trong kỳ	-	1,151,657,667	-	218,200,000	1,369,857,667
Số dư cuối kỳ	156,813,553,472	969,562,898,801	39,873,426,134	8,598,731,895	1,174,848,610,302
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	41,864,011,653	501,484,889,802	21,862,437,452	6,150,677,065	571,362,015,972
- Hao trong kỳ	1,861,013,202	18,413,598,364	1,023,635,888	284,753,077	21,583,000,531
Số dư cuối kỳ	43,725,024,855	519,898,488,166	22,886,073,340	6,435,430,142	592,945,016,503
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	114,949,541,819	466,926,351,332	18,010,988,682	2,229,854,830	602,116,736,663
- Tại ngày cuối kỳ	113,088,528,617	449,664,410,635	16,987,352,794	2,163,301,753	581,903,593,799

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công t  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12./ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Nguyên giá	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	183,849,432,669	67,156,434,079	251,005,866,748
- Mua trong kỳ	-	7,408,788,181	7,408,788,181
Số dư cuối kỳ	183,849,432,669	74,565,222,260	258,414,654,929
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	61,180,398,934	6,437,298,650	67,617,697,584
- Khấu hao trong kỳ	3,935,133,190	3,905,143,949	7,840,277,139
Số dư cuối kỳ	65,115,532,124	10,342,442,599	75,457,974,723
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày đầu kỳ	122,669,033,735	60,719,135,429	183,388,169,164
- Tại ngày cuối kỳ	118,733,900,545	64,222,779,661	182,956,680,206

**13./ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Phẩm mềm vô hình	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	290,897,222,864	2,125,503,674	293,022,726,538
- Mua trong kỳ	30,602,524,680	2,478,100,000	33,080,624,680
Số dư cuối kỳ	321,499,747,544	4,603,603,674	326,103,351,218
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	15,575,979,063	1,968,871,359	17,544,850,422
- Khấu hao trong kỳ	571,970,355	107,884,123	679,854,478
Số dư cuối kỳ	16,147,949,418	2,076,755,482	18,224,704,900
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày đầu kỳ	275,321,243,801	156,632,315	275,477,876,116
- Tại ngày cuối kỳ	305,351,798,126	2,526,848,192	307,878,646,318

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công t  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. / XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Các công trình xây dựng cơ bản dồ  
 đang như sau:

	31/03/2016	31/12/2015
Phầm mềm ERP	7,356,980,546	7,356,980,546
Máy móc thiết bị	34,127,934,727	1,998,760,374
Phương tiện vận tải	6,179,032,183	806,000,000
Khác	990,704,000	520,704,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>48,654,651,456</b>	<b>10,682,444,920</b>

**15. / CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2016	31/12/2015
a) <i>Ngắn hạn</i> Công cụ, dụng cụ	14,591,896,835	15,163,620,582
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14,591,896,835</b>	<b>15,163,620,582</b>
b) <i>Dài hạn</i> Công cụ, dụng cụ	12,471,733,761	13,623,519,003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12,471,733,761</b>	<b>13,623,519,003</b>



Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công t  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. / LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<b>31/03/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	65,930,509,910	<b>65,930,509,910</b>
<b>Phân bổ lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	36,358,145,391	29,765,094,400
Phân bổ trong kỳ	1,648,262,748	6,593,050,991
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38,006,408,139</b>	<b>36,358,145,391</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ	29,572,364,519	36,165,415,510
Số dư cuối kỳ	27,924,101,771	29,572,364,519

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và C;  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

a) Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	814,370,790,721	814,370,790,721	616,549,018,963	608,133,060,377	805,954,832,135	805,954,832,135
Vay dài hạn đến hạn trả	15,000,000,000	15,000,000,000	4,860,061,029	5,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn	38,728,074,594	38,728,074,594	868,098,865,315	15,219,879,162	49,087,892,727	49,087,892,727
	<b>868,098,865,315</b>	<b>868,098,865,315</b>	<b>621,409,079,992</b>	<b>628,352,939,539</b>	<b>875,042,724,862</b>	<b>875,042,724,862</b>

Điều kiện và các điều khoản  
 vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2016	31/12/2015
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6.0%	252,513,486,785	295,200,081,137
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3.0%	42,168,281,105	52,794,670,119
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6%-6.8%	38,151,235,448	18,002,827,106
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6.0%	178,047,281,810	164,426,984,924
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6.5%	138,772,964,212	136,330,835,833
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6.7%	78,241,375,630	75,764,117,200
Ngân hàng Bảo Việt	VND	6.7%	75,843,214,593	63,435,315,816
Ngân hàng Tiên Phong	USD	3.0%	10,632,951,138	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>814,370,790,721</b>	<b>805,954,832,135</b>

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và C:**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết i**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

a) Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn (*)	55,000,000,000	55,000,000,000		5,000,000,000	60,000,000,000	60,000,000,000
Nợ thuê tài chính (**)	103,876,934,620	103,876,934,620	14,377,370,000	16,272,212,525	105,771,777,145	105,771,777,145
	<b>158,876,934,620</b>	<b>158,876,934,620</b>	<b>14,377,370,000</b>	<b>21,272,212,525</b>	<b>165,771,777,145</b>	<b>165,771,777,145</b>
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(53,728,074,594)				(69,087,892,727)	
Hoàn trả sau 12 tháng	105,148,860,026				96,683,884,418	

(\*) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/03/2016	31/12/2015
Ngân hàng Ngoại thương Việt	VND	9.6%	2018	55,000,000,000	60,000,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>55,000,000,000</b>	<b>60,000,000,000</b>

(\*\*) Nợ thuê tài chính

	31/03/2016				31/03/2015				
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	60,413,097,426	6,465,143,670	53,947,953,756	55,202,563,187	8,432,354,185	46,770,209,002	70,780,552,204	8,488,743,873	62,291,808,331
Từ hai đến năm năm	54,698,387,590	4,769,406,726	49,928,980,864	70,780,552,204	8,488,743,873	62,291,808,331			
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115,111,485,015</b>	<b>11,234,550,395</b>	<b>103,876,934,620</b>	<b>132,673,943,914</b>	<b>17,774,564,254</b>	<b>114,899,379,660</b>			

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Cá  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết t  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18./ PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/03/2016	31/12/2015
Unilever Asia Private Limited	14,383,602,052	14,861,272,063
CTY TNHH Hưng Nghiệp	-	8,187,569,775
Indorama Polymers Public	-	18,024,956,204
Các khoản phải thu khách hàng	142,938,539,135	105,938,952,278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>157,322,141,187</b>	<b>147,012,750,320</b>

**19./ THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	31/03/2016	31/12/2015
Thuế GTGT	1,885,864,653	2,645,761,603
Thuế TNDN	3,065,319,821	2,701,457,544
Thuế TNCN	1,695,157,511	645,963,533
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6,646,341,985</b>	<b>5,993,182,680</b>

**20./ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/03/2016	31/12/2015
Chi phí lãi vay phải trả	317,840,376	652,505,478
Lương và thưởng	2,623,727,114	8,001,839,425
Chi phí quảng cáo	-	5,318,315,987
Chi phí khác	11,433,035,612	4,512,080,763
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14,374,603,102</b>	<b>18,484,741,653</b>

**21./ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2016	31/12/2015
Ký quỹ của khách hàng	3,364,413,826	2,734,322,213
Các khoản phải trả khác	3,411,281,589	1,627,803,223
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6,775,695,415</b>	<b>4,362,125,436</b>

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và C  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ đông không kiểm soát
<b>Năm 2015</b>								
Số dư tại ngày 01.01.2015	522.500.000,000	46.900.000,000	(88.088,780,000)	5.714,053,793	11.293,166,612	192.503,849	97.820.924,123	12.384.599,570
Lợi nhuận thuần trong kỳ							13.222.230,629	(116,574,650)
Điều chỉnh khác							17.833,698,620	(17,833,698,620)
Số dư tại ngày 31.03.2015	522.500.000,000	46.900.000,000	88.088,780,000	5.714,053,793	11.293,166,612	192.503,849	128,876,853,372	(5,565,673,700)
<b>Năm 2016</b>								
Số dư tại ngày 01.01.2016	522.500,000,000	46,900,000,000	(88,088,780,000)	5,714,053,793	11,293,166,612	192,503,849	170,663,978,335	1,742,933,319
Lợi nhuận thuần trong kỳ	522,500,000,000	46,900,000,000	(88,088,780,000)	5,714,053,793	11,293,166,612	192,503,849	5,264,709,959	(345,335,073)
Số dư tại ngày 31.03.2016	522,500,000,000	46,900,000,000	(88,088,780,000)	5,714,053,793	11,293,166,612	192,503,849	175,928,688,294	1,397,598,246

**23. VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	52,250,000	522,500,000,000	52,250,000	522,500,000,000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	52,250,000	522,500,000,000	52,250,000	522,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông				
Cổ phiếu quỹ	(4,004,078)	(88,088,780,000)	(4,004,078)	(88,088,780,000)
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu</b>	48,245,922	434,411,220,000	48,245,922	434,411,220,000
Cổ phiếu phổ thông				

**Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc**  
**ngày 31 tháng 03 năm 2016**

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi c ổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quy ền l ợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết việc Công ty mua lại 4.004.000 cổ phiếu quỹ từ Red River Holding với giá 22.000 VND một cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ này đã được mua lại vào tháng 12 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15,822,496	32,80%
Bà Bùi Bích Hồng	9,746,823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9,586,963	19,87%
Red River Holding	1,633,874	3,39%
Cổ đông khác	11,455,766	23,74%
	<b>48,245,922</b>	<b>100%</b>

**24./ CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU**

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. / CỔ TỨC**

Trong kỳ, Tập đoàn không công bố cổ tức.

**26. / DOANH THU**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
	Tổng doanh thu	432,517,431,120
Trừ các khoản giảm trừ doanh	(11,425,085,293)	(3,322,284,243)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>421,092,345,827</b>	<b>406,706,795,774</b>

**27. / DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
	Lãi tiền gửi	72,331,335
Lãi chênh lệch tỷ giá	524,395,843	237,242,415
Lãi cho vay, lãi kỳ quỹ	323,681,946	
Doanh thu hoạt động tài chính	626,551,735	30,570,598
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,546,960,859</b>	<b>299,461,394</b>

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. / CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
	Chi phí lãi vay	13,859,433,201
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực	167,821,313	702,207,863
Chi phí tài chính khác	-	158,773,044
<b>TONG CỘNG</b>	<b>14,027,254,514</b>	<b>17,208,685,060</b>

**29. / THU NHẬP KHÁC**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
	Thu nhập khác	542,317,395
<b>TONG CỘNG</b>	<b>542,317,395</b>	<b>408,659,363</b>

**30. / CHI PHÍ KHÁC**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
	Chi phí khác	131,247,729
<b>TONG CỘNG</b>	<b>131,247,729</b>	<b>2,197,358,883</b>



Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. / CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
Lương & thưởng	26,836,814,348	21,463,248,949
Chi phí khấu hao	217,156,602	126,876,864
Chi phí vật liệu, đóng gói	1,291,547,799	396,996,579
Hoa hồng & Vận chuyển	24,499,607,872	19,094,951,230
Chi phí quảng cáo	13,372,490,290	6,671,615,107
Chi phí hàng khuyến mãi,	117,291,838	267,372,683
Chi phí trưng bày	7,312,981,472	932,675,480
Chi phí bán hàng khác	26,407,428,950	6,208,887,405
<b>TONG CỘNG</b>	<b>100,055,319,171</b>	<b>55,162,624,297</b>

**32. / CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
Lương & thưởng	13,044,473,578	9,900,804,382
Đồ dùng văn phòng	241,712,428	124,381,281
Chi phí khấu hao	1,016,226,122	2,567,963,334
Phí, lệ phí	36,641,928	31,454,928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,879,546,776	1,543,208,407
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,189,972,168	4,018,157,513
<b>TONG CỘNG</b>	<b>22,408,573,000</b>	<b>18,185,969,845</b>

Công ty CP Công Nghiệp - DV - TM Ngọc Nghĩa và Các công ty con  
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc  
 ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B 03a - DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. / THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
Chi phí thuế thu nhập doanh Chi phí thuế thu nhập doanh	5,720,859,471	10,605,586,968
<b>TONG CỘNG</b>	<b>5,720,859,471</b>	<b>10,605,586,968</b>

**34. / CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý I. 2016	Quý I. 2015
- Chi phí nguyên liệu, vật - Chi phí nhân công; - Chi phí khấu hao tài sản - Chi phí khác bằng tiền.	220,498,941,403 59,665,850,099 31,751,394,896 106,548,249,758	252,822,204,173 44,803,819,562 32,638,677,048 70,120,764,939
<b>TONG CỘNG</b>	<b>418,464,436,156</b>	<b>400,385,465,722</b>

Kế Toán Trưởng  
 (Ký, họ tên)

HCM, Ngày 18 tháng 04 năm 2016  
 Phó Tổng Giám Đốc  
 (Ký, họ tên)

**ĐÔNG THỊ NGỌC TRIỆU**

